

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 357/2024/HC-PT
Ngày 26 tháng 6 năm 2024

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến
Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 151/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5953/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1951 và chị Nguyễn Thi Minh H, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Điều T; địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 11 năm 2023).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Chính Q1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T1](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#), chị [Bùi Thị T3](#), cháu [Bùi Thị D](#); cùng địa chỉ: [thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng](#).

Người đại diện theo ủy quyền của anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#): Ông [Vũ Điều T](#); địa chỉ: [Thôn H, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng](#) (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 01 năm 2024).

- **Người kháng cáo:** Ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#) (là người khởi kiện); anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#) (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông [Vũ Điều T](#) có mặt; các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2023; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Ông [Bùi Văn Q](#) là chủ sử dụng diện tích 190,1m² đất tại thửa số 960, tờ bản đồ số 01, [thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng](#); trong đó có diện tích 53m² đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) [huyện T](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất, diện tích đất chưa được cấp giấy là 137,1m². Năm 1996, ông [Q](#) chia đất thành 03 lô, mỗi lô có chiều ngang là 4m chạy dài hết đất với diện tích hơn 60m²/lô gồm hộ ông [Q](#) và các hộ con trai của ông [Q](#) là hộ anh [Bùi Trọng Á](#), hộ anh [Bùi Văn T4](#) (hiện đã chết, có vợ là chị [Nguyễn Thị Minh H](#) và con gái là [Bùi Thị D](#)). Trên thửa đất được chia, các hộ gia đình đã xây dựng nhà ở riêng biệt nên được xác định là tài sản riêng của từng hộ.

Năm 2022, [UBND huyện T](#) thu hồi một phần thửa đất của ông [Q](#) với diện tích 79,5m², trong đó mỗi hộ gia đình bị thu hồi 26,5m². Cụ thể, căn nhà do ông [Q](#) sử dụng bị cắt xén, phá dỡ với tỷ lệ 17,3%; căn nhà do hộ chị [H](#) sử dụng bị cắt xén phá dỡ với tỷ lệ 16%; căn nhà do hộ anh [Ánh](#) sử dụng bị cắt xén, phá dỡ với tỷ lệ 17,3%.

Theo Phương án số 15/PA-TCT của Trung tâm Phát triển quỹ đất [huyện T](#) được phê duyệt tại Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của [UBND huyện T](#) thì hộ ông [Q](#) được bồi thường về đất số tiền là 1.573.305.000 đồng, bồi thường về vật kiến trúc số tiền là 2.261.054.724 đồng.

Với diện tích đất ở còn lại, gia đình ông [Q](#) đủ điều kiện được cấp 05 lô đất tái định cư, bao gồm 03 hộ chính và 02 hộ phụ. Tuy nhiên, [UBND huyện T](#) chỉ giao 01 lô đất tái định cư cho hộ anh [Bùi Thế Á](#) (là con trai của anh [Bùi Trọng Á](#)) là không đúng quy định của pháp luật.

Do gia đình ông [Q](#) thuộc trường hợp có nhiều thế hệ, cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất bị thu hồi và diện tích đất hiện tại các hộ đang sử

dụng đều dưới 40m², không đủ điều kiện để ở. Vì vậy, ông [Q](#) và chị [H](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc [UBND huyện T](#) phải giao 04 lô đất tái định cư cho 04 hộ gia đình gồm hộ ông [Bùi Văn Q](#), hộ anh [Bùi Trọng Á](#), hộ anh [Bùi Thế M](#) và hộ chị [Nguyễn Thị Minh H](#).

2. Người đại diện hợp pháp của của người bị kiện [UBND huyện T](#) trình bày:

Theo trích lục nguồn gốc sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh [huyện T](#) và [UBND xã A](#) xác lập được [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T](#) thẩm định, hộ ông [Bùi Văn Q](#) đang sử dụng 190,1m² đất tại các thửa số 41+42+43, mảnh trích đo số 21, trong đó diện tích đất trong chỉ giới thu hồi Dự án là 79,5m², diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi là 110,6m².

Theo báo cáo của [UBND xã A](#) về nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất: Thửa đất số 41+42+43 (theo Mảnh trích đo địa chính) thuộc thửa số 960, tờ bản đồ số 01, có nguồn gốc là đất “thổ cư”. Ngày 03/01/1995, ông [Bùi Văn Q](#) được [UBND huyện T](#) cấp GCNQSD đất đối với diện tích 53m²; đối với diện tích thực tế sử dụng còn lại là 137,2m² cũng đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở. Căn cứ nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, đối chiếu với các quy định của pháp luật, xác định diện tích 79,5m² đất thuộc chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở và không phải nộp tiền sử dụng đất.

Theo Mảnh trích đo địa chính, hộ ông [Q](#) sử dụng đất tại:

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 21, diện tích 65m²; trong đó diện tích 26,5m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất, diện tích 38,5m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất.

- Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 21, diện tích 63,2m²; trong đó diện tích 26,5m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất, diện tích 36,7m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất.

- Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 21, diện tích 61,9m²; trong đó diện tích 26,5m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất, diện tích 35,4m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất.

Căn cứ vào hình thể thửa đất theo trích đo địa chính thu hồi đất thì phần còn lại của thửa đất số 41+42+43, tờ bản đồ số 21 có kích thước chiều rộng lớn hơn 3m, chiều dài lớn hơn 5m, diện tích nhỏ hơn 40m² nhưng hình thể không chéo méo. Theo quy định tại mục 5 Điều 1 Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của [UBND thành phố H](#) thì phần diện tích nhà tại các thửa đất số 41+42+43 vẫn còn diện tích sử dụng, không thuộc trường hợp phải di chuyển về chỗ ở. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông [Bùi Văn Q](#) và chị [Nguyễn Thị Minh H](#) về việc buộc [UBND huyện T](#) phải cấp 04 lô đất tái định cư cho hộ ông [Q](#) và các con là không có cơ sở.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng A1](#) và chị [Nguyễn Thị X](#)): Đồng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông [Bùi Văn Q](#) và chị [Nguyễn Thị Minh H](#).

4. *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 79, 116, 157, 162, 163, 193, 194, 206 và 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Các Điều 62, 66, 69, 75 và 79 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 6 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của [UBND thành phố H](#); điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Bùi Văn Q](#) và chị [Nguyễn Thị Minh H](#) về việc buộc [Ủy ban nhân dân huyện T](#) phải giao bốn lô đất tái định cư cho bốn hộ gia đình gồm hộ ông [Bùi Văn Q](#), hộ anh [Bùi Trọng Á](#), hộ anh [Bùi Thế M](#) và hộ chị [Nguyễn Thị Minh H](#).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự.

5. *Kháng cáo:* Ngày 01/02/2024, người khởi kiện là ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#) có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm với cùng yêu cầu sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

6. *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

6.1. Người đại diện hợp pháp của những người kháng cáo giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

6.2. Người đại diện hợp pháp của những người kháng cáo là ông [Vũ Điều T](#) phát biểu ý kiến:

Ông [Bùi Văn Q](#) là chủ sử dụng diện tích 190,1m² tại thửa đất số 960, tờ bản đồ số 01, [thôn A, xã A, huyện T](#); trong đó có 53m² đã được [UBND huyện T](#) cấp GCNQSD đất cho ông [Bùi Văn Q](#), còn lại 137,1m² chưa được cấp GCNQSD đất. Năm 1996 ông [Q](#) chia thành 03 lô đất cho các hộ trong gia đình gồm hộ ông [Q](#) và các hộ con trai là hộ anh [Bùi Trọng Á](#), hộ chị [Nguyễn Thị Minh H](#). Trên 3 thửa đất được chia các hộ đã xây dựng nhà kiên cố để sinh sống. Năm 2022, [UBND huyện T](#) thu hồi một phần thửa đất của gia đình ông [Q](#) với diện tích 79,5m², trong đó mỗi hộ gia đình bị thu hồi 26,5m². Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ việc [UBND huyện T](#) ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho ông [Q](#) nhưng không ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất riêng cho gia đình ông [Q](#). Việc ban hành quyết định thu hồi đất mà không ban hành kèm theo quyết định phương án bồi thường cùng thời điểm là trái quy định pháp luật. Gia đình ông [Q](#) gồm nhiều hộ gia đình sinh sống trên 1 thửa đất, đã tách thành 4 sổ hộ khẩu nhưng mới được cấp GCNQSD đất diện tích 53m² cho ông [Q](#), còn lại 137,1m² chưa được cấp GCNQSD đất thì phải

được xác định là có quyền sử dụng chung cho tất cả các thành viên trong hộ gia đình và đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất. [UBND huyện T](#) cho rằng tổng diện tích còn lại không nằm trong chỉ giới thu hồi của các hộ trong gia đình ông [Q](#) là 110,6m², chia ra thì diện tích nhỏ hơn 40m² hạn mức diện tích tối thiểu nhưng hình thể không chéo méo nên không được cấp các lô đất tái định cư cho các hộ trong gia đình ông [Q](#) là không có căn cứ vì hình thể thửa đất chéo méo chỉ là một trong những điều kiện để xác định. Việc xác định hình thể chéo méo hay không cũng là chủ quan nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quyết định của [UBND thành phố H](#) xác định diện tích đất của các hộ gia đình còn lại không đủ điều kiện để ở theo quy định, theo đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm buộc [UBND huyện T](#) giao 04 lô đất tái định cư cho các hộ trong gia đình ông [Q](#).

6.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự trong hạn luật định và hợp lệ nên được Tòa án thụ lý để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập đầy đủ, hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có người có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#) có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#), anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#) và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong quá trình tố tụng; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất xác định: Diện tích đất bị thu hồi tại các thửa số 41, 42, 43, tờ bản đồ số 21, [thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng](#) (theo Mảnh trích đo địa chính) đều có nguồn gốc thuộc thửa đất số 960, tờ bản đồ số 01, diện tích 190,1m² đất “thổ cư” đứng tên chủ sử dụng là cụ [Bùi Văn T5](#) (bố đẻ của ông [Bùi Văn Q](#)). Ngày 03/01/1995, ông [Bùi Văn Q](#) được [UBND huyện T](#) cấp GCNQSD đất với diện tích 53m²; đối với 137,1m² đất còn lại, tuy ông [Q](#) chưa được cấp GCNQSD đất nhưng đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng đất, hộ ông [Q](#) đã tự chia tách thửa đất cho các con nhưng chưa làm thủ tục tách thửa và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[2] Thực hiện Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của [UBND thành phố H](#) về việc phê duyệt đầu tư Dự án đầu tư cải tạo đường [tỉnh 359 đoạn từ cầu B đến xã T, huyện T](#), ngày 18/3/2022 [UBND huyện T](#) đã ban hành Quyết định số 1824/QĐ-UBND với nội dung thu hồi diện tích 79,5m² của hộ ông [Bùi Văn Q](#) tại [thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng](#) để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án. Tại Mảnh trích đo địa chính được lập khi thực hiện thủ tục thu hồi đất thể hiện: Thửa đất số 41 (hộ chị [Nguyễn Thị Minh H](#) sử dụng) có 26,5m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất và 38,5m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất; thửa đất số 42 (hộ ông [Bùi Văn Q](#) sử dụng) có 26,5m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất và 36,7m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất; thửa đất số 43 (hộ anh [Bùi Trọng Á](#) sử dụng) có 26,5m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất và 35,4m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất.

[3] Ngày 18/3/2022, [UBND huyện T](#) ban hành Quyết định số 1834/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 24 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện Dự án; trong đó có Phương án số 15/PA-TCT về việc bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc đối với hộ ông [Bùi Văn Q](#). Ngày 06/5/2022, [UBND huyện T](#) ban hành Quyết định số 9251/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh giảm phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 02 hộ dân; trong đó có Phương án số 02/PA-TCT đối với hộ ông [Bùi Văn Q](#). Theo các phương án nêu trên, hộ ông [Bùi Văn Q](#) được bồi thường, hỗ trợ tổng số 3.834.359.724 đồng (trong đó có 1.573.305.000 đồng bồi thường, hỗ trợ về đất và 2.261.054.724 đồng bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc trên đất). Ông [Q](#) đã nhận đủ số tiền trên, không có khiếu nại hay thắc mắc gì liên quan đến số tiền này và đã tự nguyện bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án.

[4] Xét việc ông [Q](#) và chị [H](#) khởi kiện yêu cầu [UBND huyện T](#) giao 04 lô đất tái định cư cho hộ ông [Q](#) và các con của ông [Q](#) với lý do diện tích đất sau khi bị thu hồi không đủ điều kiện để ở thì thấy:

Tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của [UBND thành phố H](#) “Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng” có quy định:

“2. Các trường hợp diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo điểm a, b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định như sau:

a) Chiều sâu còn lại của thửa đất nhỏ hơn 5m và chiều rộng còn lại của thửa đất nhỏ hơn 3m;

b) Diện tích thửa đất còn lại dưới 20m² đối với khu vực đô thị hoặc khu vực đã được quy hoạch phát triển đô thị, dưới 40m² đối với khu vực nông thôn và hình dạng thửa đất ở chéo méo, không đủ điều kiện để ở”.

Theo các biên bản kiểm kê lập vào tháng 3/2021 và hình thể thửa đất theo Mảnh trích đo địa chính thu hồi đất nêu tại mục [2] ở trên thể hiện: Sau khi bị thu hồi đất, diện tích đất còn lại của hộ ông [Q](#) là 110,6m², với chiều rộng hơn 12m và chiều sâu hơn 09m; trong đó: thửa số 41 do hộ chị [Nguyễn Thị Minh H](#) đang sử dụng có diện tích còn lại là 38,5m², thửa số 42 do hộ ông [Bùi Văn Q](#) đang sử dụng có diện tích còn lại là 36,7m², thửa số 43 do hộ anh [Bùi Trọng Á](#) sử dụng có diện tích còn lại là 35,4m² (các thửa đất trên đều có chiều rộng khoảng 4m, chiều sâu khoảng 09m và hình dạng thửa đất không bị chéo méo). Mặt khác, sau khi bị thu hồi đất, hộ ông [Q](#) và các con vẫn sinh sống trên phần diện tích đất còn lại, không phải di chuyển về chỗ ở.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Mặc dù khi Nhà nước thu hồi đất, hộ ông [Q](#) có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống nhưng không thuộc trường hợp phần diện tích đất ở còn lại không đủ điều kiện để ở theo quy định của [UBND thành phố H](#). Do đó, khi thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ, [UBND huyện T](#) không bồi thường bằng đất ở và không bố trí tái định cư cho hộ ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#), anh [Bùi Thế M](#) và anh [Bùi Trọng Á](#) là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành” là chính xác. Từ đó, đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Bùi Văn Q](#) và chị [Nguyễn Thị Minh H](#) là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[5] Ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#), anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của người kháng cáo không giao nộp được tài liệu, chứng cứ hoặc đưa ra lý do nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật để chứng minh kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến kết luận kháng cáo của người khởi kiện và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ pháp luật, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#), anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#) và chị [Nguyễn Thị X](#).

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định, riêng ông [Bùi Văn Q](#) là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông [Bùi Văn Q](#), chị [Nguyễn Thị Minh H](#) và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#); giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Ông [Bùi Văn Q](#) được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

2.2 Chị [Nguyễn Thị Minh H](#), anh [Bùi Thế M](#), anh [Bùi Đức T2](#), anh [Bùi Trọng Á](#), chị [Nguyễn Thị X](#) mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông [Vũ Điều T](#) đã nộp thay cho mỗi người nêu trên là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000212, 0000213, 0000214, 0000215, 0000216 cùng ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/6/2024.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền